

165 Series — AMR/AGV-1 BÁNH XE LÒ XO



Lốp ZQPU (Milled Blue)đường kính lốp × chiều rộng lốp 62.5 × 20 (41.5) mm

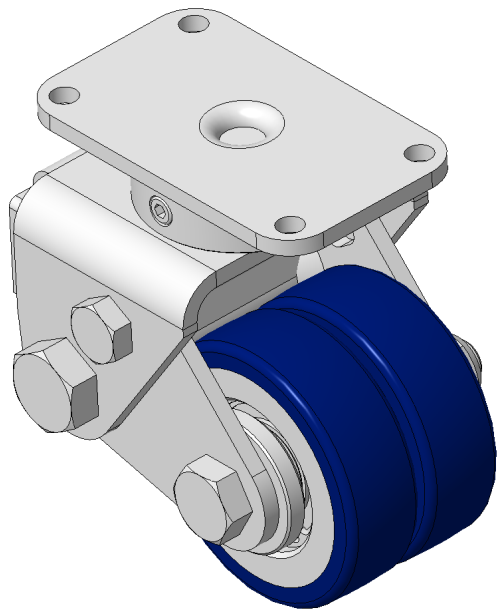
EAN

KS-11655200802023

Bánh xe lò xo với khung thép hàn  
Hoàn thiện mạ kẽm, lắp đế, khoảng cách lỗ 70x37  
Lõi bánh xe bằng gang với gai polyurethane chất lượng cao, phay màu xanh  
Vòng bi bánh xe—có vòng bi bi chính xác giúp giảm lực cản khi vận hành  
Bánh xe đôi ZQPU, được thiết kế công thái học giúp khởi động và quay đầu dễ dàng hơn

Bề mặt bánh xe: Được làm bằng polyurethane chất lượng cao  
Lõi bánh xe: lõi sắt/lõi gang

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

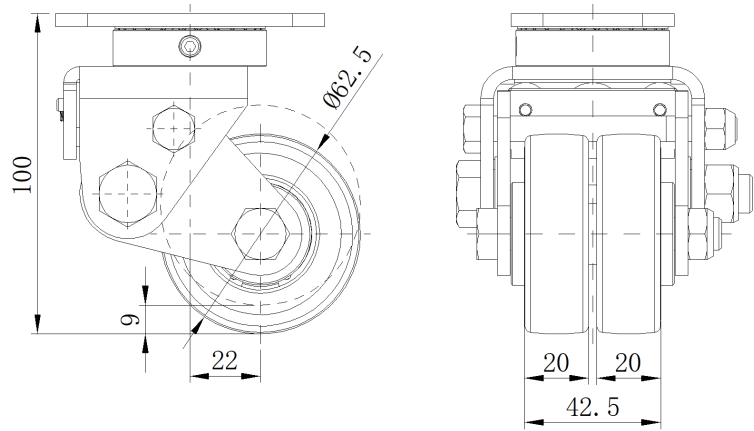
Quy cách chi tiết sản phẩm

|                                                                           |                             |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| <input checked="" type="radio"/> đơn vị mét <input type="radio"/> đế quốc |                             |
| Đường kính bánh xe                                                        | 62.5mm                      |
| Chiều rộng bánh xe                                                        | 42.5mm                      |
| vòng bi bánh xe                                                           | Bánh xe trang bị vòng bi bi |
| Quy cách tấm lắp                                                          | 84 x 51mm                   |
| khoảng cách các lỗ trên tấm nền                                           | 70 x 37mm                   |
| Khoảng cách các lỗ lắp                                                    | 6.5mm                       |
| Độ lệch tâm                                                               | 22mm                        |
| Sự can thiệp quay                                                         | 120mm                       |
| Tổng chiều cao                                                            | 100mm                       |
| Bán kính xoay                                                             | 60mm                        |
| Độ cứng                                                                   | 87±5° Shore A               |
| Tải trọng (động)                                                          | 250kgs                      |
| Tải trọng (tĩnh)                                                          | 375kgs                      |
| Nhiệt độ                                                                  | -20°C to +70°C              |
| Càng bánh xe                                                              | Xoay                        |
| Thép không gỉ                                                             | N/A                         |
| Dẫn điện                                                                  | N/A                         |
| Chống tĩnh điện                                                           | N/A                         |
| Trọng lượng bánh xe đẩy                                                   | 1.58kgs                     |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm                                                    | ISO22883                    |

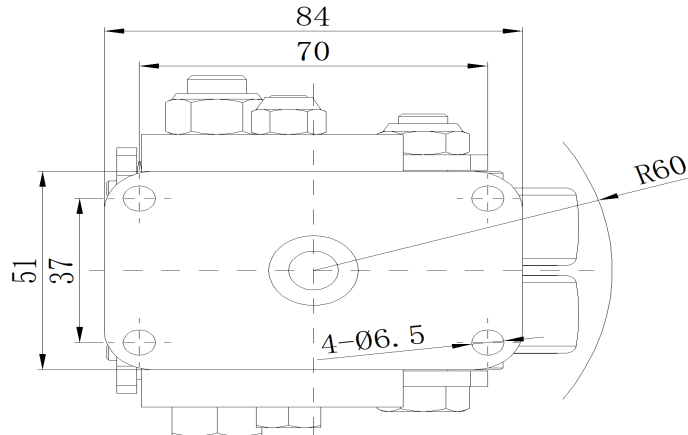
Tổng quan ưu điểm

|                      |           |
|----------------------|-----------|
| Độ di chuyển mượt mà | • • • • • |
| Chế độ im lặng       | • • • • • |
| Bảo vệ mặt sàn       | • • • • • |

Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đẩy



Bản vẽ 2D kích thước tấm lắp



\* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét